| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH BA**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM**<br>**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02- 2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Hà Thanh Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Kiều Công Ích và ông Phùng Văn Thị

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa***: bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 131/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024; Quyết tạm ngừng phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H – sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Ngô Việt S, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo pháp luật cho anh S: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

(Chị H, anh S và bà T vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị H trình bày:*

Chị H và anh Ngô Việt S tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/11/2003 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì thường xuyển xảy phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kể từ khi chị mang thai và sinh con cháu thứ 3, anh S nghi ngờ cháu bé không phải con của anh. Sau khi sinh con, chị đã cùng con về nhà mẹ đẻ ở, vợ

chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 03 con chung là cháu Ngô Thị Thanh T1, sinh ngày 09/11/2004; Cháu Ngô Thị Thùy D, sinh ngày 16/7/2009; Cháu Ngô Khánh L, sinh ngày 26/7/2023. Cháu Ngô Thị Thanh T1 đã đủ 18 tuổi, hiện đã có gia đình riêng, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Ngô Thị Thùy D hiện nay đang ở cùng với anh S, chị đề nghị giao cho anh Ngô Việt S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Còn cháu Ngô Khánh L hiện còn nhỏ, chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Không có, không yêu có Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, anh Ngô Việt S và người đại diện theo pháp luật (bà Nguyễn Thị T) trình bày:*

Anh S và chị Bùi Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 25/11/2003 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau khi sinh xong hai cháu đầu, anh bị thoát vị đĩa đệm, mất khả năng lao động và bị liệt nửa người sống nhờ vào trợ cấp của xã hội và nhờ bố mẹ, anh chị trong nhà giúp đỡ. Thời gian sau chị H đi làm thuê ở Hà Nội. Lúc đầu, chị H có gửi tiền về nuôi các con ăn học. Khoảng 02- 03 năm gần đây, chị H không gửi tiền về nuôi các con và liên tục đòi bỏ anh. Cách đây 01 năm thì chị H không về nhà nữa. Nay chị H xin ly hôn, anh S nhất trí ly hôn.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Thị Thanh T1, sinh ngày 09/11/2004 và cháu Ngô Thị Thùy D, sinh ngày 16/07/2009. Hiện nay cháu D đang ở cùng anh và bố mẹ anh. Cháu T1 đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ngô Thị Thùy D và đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi cháu D cùng anh cho đến khi cháu D trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Sau đó anh và bà T (người đại diện theo pháp luật của anh S) đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Còn đối với cháu Ngô Khánh L, sinh ngày 26/7/2023, chị H trình bày là con chung giữa anh và chị là không chính xác. Anh cho rằng từ trước khi chị H mang thai cháu L, chị H đi làm ăn xa, chị và anh không sinh hoạt vợ chồng. Tuy nhiên, anh S không đề nghị giám định về ADN đối với cháu L. Nay chị H đã đăng ký giấy khai sinh của cháu L và để tên anh là bố đẻ; chị H tự nguyện nhận trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L anh cũng không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83, 88 Luật hôn nhân gia đình;

Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 6 Điều 15, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Ngô Việt S.

+ Về con chung: Đề nghị giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Khánh L, sinh ngày 26/7/2023; Anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thị Thùy D, sinh ngày 16/07/2009 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia

+ Về tài sản chung, công nợ, công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật; anh S là người khuyết tật, có đơn xin miễn án phí, đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho anh S.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Ngô Việt S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh S có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H, anh S, bà T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xét xử vắng mặt), HĐXX căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh S (do bà T đại diện) là phù hợp pháp luật.

Anh S có giấy chứng nhận khuyết tật (dạng khuyết tật nặng – khuyết tật vận động, tâm thần), tuy nhiên anh S không đề nghị thực hiện giám định tâm thần và không đề nghị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự. Tòa án đã đưa bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ anh S) tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo pháp luật cho anh S là phù hợp nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh S.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị H và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 25/11/2003 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H và anh S có những bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã mất lòng tin ở nhau. Qua việc xác minh ý kiến của chính quyền địa phương cũng như Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn T cho biết: quá trình chị H và anh S xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng, do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở. Nay chị H xin ly hôn anh S, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh S đều thừa nhận không còn tình cảm và thỏa thuận thuận tình ly hôn. Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh S không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh S là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung:

Chị H xác định chị và anh S có 03 con chung là cháu Ngô Thị Thanh T1, sinh ngày 09/11/2004; Cháu Ngô Thị Thùy D, sinh ngày 16/7/2009; Cháu Ngô Khánh L, sinh ngày 26/7/2023.

Anh S chỉ thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu T1 và cháu D, còn đối với cháu L, anh S cho rằng không phải con chung vợ chồng.

Tuy nhiên, HĐXX xét thấy, chị H mang thai và sinh cháu Ngô Khánh L trong thời kì hôn nhân, anh S không thừa nhận cháu L là con chung nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh S không đồng ý làm thủ tục giám định gen AND và cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cháu L không phải là con của anh S. Vì vậy, cần xác định chị H và anh S có 03 con chung là

cháu Ngô Thị Thanh T1, sinh ngày 09/11/2004; Cháu Ngô Thị Thùy D, sinh ngày 16/7/2009; Cháu Ngô Khánh L, sinh ngày 26/7/2023 là phù hợp với quy định tại Điều 88 Luật hôn nhân gia đình.

Cháu Ngô Thị Thanh T1 hiện đã đủ 18 tuổi, cháu T1 đã có gia đình riêng, anh S và chị H đều không đề nghị giải quyết về con chung đối với cháu T1 nên HĐXX không xem xét.

Anh S và chị H đều có quan điểm đề nghị giao cháu D cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Mặc dù cháu D có quan điểm xin được ở với mẹ, tuy nhiên chị H là lao động tự do, thu nhập không ổn định, cháu L hiện đang dưới 36 tháng tuổi. Hiện chị H đang phải đi ở nhờ bố mẹ đẻ và chị em trong gia đình giúp đỡ; nếu giao cả cháu D và cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng thì không đảm bảo về mặt đời sống cho các cháu do chị H không có điều kiện về kinh tế cũng như chỗ ở sinh hoạt. Cháu D hiện nay đang ở cùng anh S, do anh S cùng gia đình trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu D cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng như quan điểm của chị H và anh S là phù hợp. Anh S và chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp: Các bên xác định không có, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H và anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh S là người khuyết tật nặng (dạng khuyết tật vận động, tâm thần), anh S (do bà T đại diện) đề nghị được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, vì vậy xét miễn án phí cho anh S là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 88 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 6 Điều 15, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Ngô Việt S.

[2]. Về con chung: Giao chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Khánh L, sinh ngày 26/7/2023; Anh Ngô Việt S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thị Thùy D, sinh ngày 16/7/2009 kể từ ngày 30/01/2024 cho đến khi các con

chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho anh Ngô Việt S; Chị H phải nộp 75.000đ (Bẩy mươi lăm nghìn đồng chẵn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001806 ngày 21/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị Bùi Thị H 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí.

Anh S (do bà T đại diện), chị H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND tt Thanh Ba.
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Hà Thanh Loan**